

Bản án số: 21/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 11-9-2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - TUYÊN QUANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Khánh Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Vũ Hùng Vương.
- Ông Khuất Thị Thanh.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nông Kim Huệ, Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang tham gia phiên tòa:** Ông Giàng Chấn Sò - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2025 về: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh Phạm Linh S; căn cước công dân số: xxxxxxxxxxxx; địa chỉ: Số nhà x, ngõ x, đường N, tổ dân phố x, phường H, tỉnh Tuyên Quang; chỗ ở hiện nay: Số x, đường N, phường H, tỉnh Tuyên Quang; **vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.**

- **Bị đơn:** Chị Đặng Thảo A; căn cước công dân số: xxxxxxxxxxxx; địa chỉ: Số nhà x, ngõ x, đường N, tổ dân phố x, phường H, tỉnh Tuyên Quang; **vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 14/02/2025 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Phạm Linh S trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Linh S và chị Đặng Thảo A đăng ký kết hôn ngày 22/7/2012 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Y, huyện B, tỉnh Hà Giang. Sau khi kết hôn, vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là

do vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung. Anh S đã chuyển đến cơ quan sống từ tháng 09/2024, không còn chung sống với chị Thảo A. Nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, không thể hàn gắn, do vậy anh S đề nghị Tòa án giải quyết cho anh S được ly hôn với chị Thảo A.

- Về con chung: Anh S và chị Thảo A có 01 con chung là cháu Phạm Hải Đ, sinh ngày 13/5/2013. Hiện nay, cháu Đ đang ở cùng với bà nội là bà Trần Thị Minh H và mẹ là chị Đặng Thảo A. Khi ly hôn, anh S đề nghị giao cho chị Thảo A trực tiếp nuôi cháu Đ. Về cấp dưỡng nuôi con chung, ban đầu anh S đề nghị được cấp dưỡng nuôi con chung mức 2.000.000 đồng/tháng, về sau anh đề nghị cho anh và chị Thảo A tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Không.

Tại Đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 10/9/2025, bị đơn chị Đặng Thảo A trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thảo A xác định vợ chồng không còn tình cảm, do vậy anh Phạm Linh S đề nghị Tòa án giải quyết cho anh S được ly hôn với chị thì chị đồng ý.

- Về con chung: Chị Đặng Thảo A xác nhận chị và anh S có 01 con chung là cháu Phạm Hải Đ, sinh ngày 13/5/2013. Ly hôn, chị Thảo A đề nghị được trực tiếp nuôi con chung đến khi con đủ 18 tuổi; chị và anh S tự thỏa thuận về cấp dưỡng nuôi con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Không.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải giữa các đương sự, tuy nhiên bị đơn chị Đặng Thảo A vắng mặt, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 25/7/2025, Tòa án đã tiến hành lấy ý kiến cháu Phạm Hải Đ, cháu Đ cho biết nêu bố mẹ cháu ly hôn, cháu có nguyện vọng được ở với mẹ cháu là chị Đặng Thảo A.

Tại Biên bản làm việc với bà Bùi Thị Bích T, là tổ trưởng tổ x, phường Q cũ; nay là tổ x, phường H, tỉnh Tuyên Quang, bà T cho biết: Anh Phạm Linh S và chị Đặng Thảo A đã ly thân từ cuối năm 2024 đến nay. Trong quá trình sinh sống tại địa phương, tổ dân phố không ghi nhận gì về mâu thuẫn của vợ chồng anh S và chị Thảo A. Nay anh S đề nghị ly hôn với chị Thảo A thì tổ dân phố không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật

Tại Biên bản tham khảo ý kiến của cơ quan quản lý nhà nước về gia đình và trẻ em, đại diện Phòng Văn hóa, Khoa học và Thông tin phường H, tỉnh Tuyên Quang đề nghị Tòa án giải quyết cho anh Phạm Linh S ly hôn với chị Đặng Thảo

A. Về con chung, tài sản chung, đề nghị Tòa án giải quyết bảo vệ quyền lợi của phụ nữ và trẻ em theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện đúng nghĩa vụ tham gia tố tụng. Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phạm Linh S, xử cho anh S được ly hôn với chị Đặng Thảo A. Về con chung, cả anh S và chị Thảo A đều đồng ý giao cho chị Thảo A trực tiếp nuôi cháu Phạm Hải Đ, do đó đề nghị xử giao cho chị Thảo A được trực tiếp nuôi cháu Phạm Hải Đ. Về cấp dưỡng nuôi con chung, do anh S và chị Thảo A tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về án phí, nguyên đơn anh Phạm Linh S phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Nguyên đơn anh Phạm Linh S khởi kiện bị đơn chị Đặng Thảo A về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Do bị đơn có nơi cư trú tại phường H, tỉnh Tuyên Quang nên căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025; khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; các điều 5 và 6 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân; tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang.

[2] Việc xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn: Nguyên đơn anh Phạm Linh S và bị đơn chị Đặng Thảo A đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Linh S và chị Đặng Thảo A đăng ký kết hôn ngày 22/7/2012 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Y, huyện B, tỉnh Hà Giang; việc kết hôn đáp ứng các điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 (Luật có hiệu lực thi hành tại thời điểm đăng ký kết hôn) nên quan hệ hôn nhân giữa anh S và chị Thảo A là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[4] Xét thấy anh S, chị Thảo A đã sống ly thân từ cuối năm 2024 đến nay, không còn tình cảm; vợ chồng đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị Thảo A vắng mặt, anh S giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với chị Thảo A. Tại Đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 10/9/2025, chị Thảo A có quan điểm nhất trí ly hôn với anh S. Căn cứ các điều 19, 51, 56 và 57 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phạm Linh S, xử cho anh Phạm Linh S được ly hôn với chị Đặng Thảo A. Quan hệ hôn nhân giữa anh S, chị Thảo A chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

[5] Về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn: Anh Phạm Linh S và chị Đặng Thảo A có 01 con chung là cháu Phạm Hải Đ, sinh ngày 13/5/2013. Ly hôn, anh S đề nghị giao cho chị Thảo A trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ đến khi con đủ 18 tuổi, về cấp dưỡng nuôi con chung các bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại Đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 10/9/2025, chị Thảo A đề nghị được trực tiếp nuôi cháu Đ, về cấp dưỡng nuôi con chung nhất trí tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy cháu Đ hiện đang sống cùng chị Thảo A và có nguyện vọng được ở với mẹ; chị Thảo A có đủ điều kiện, khả năng nuôi con. Căn cứ các điều 58, 81 và 82 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 6 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình, xem xét quyền lợi về moi mặt và nguyện vọng của cháu Đ, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phạm Linh S, giao cho chị Đặng Thảo A trực tiếp nuôi cháu Phạm Hải Đ. Sau khi ly hôn, anh Phạm Linh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con chung, anh S và chị Thảo A đều có quan điểm tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết, yêu cầu này là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử không xem xét quyết định việc cấp dưỡng nuôi con chung.

[6] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; nguyên đơn anh Phạm Linh S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình không có giá ngạch theo quy định.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 228, 235, 238, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Căn cứ khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; các điều 5 và 6 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân;

Căn cứ các điều 19, 51, 56, 57, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các điều 4 và 6 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phạm Linh S.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Phạm Linh S ly hôn với chị Đặng Thảo A.

1.2. Về con chung: Giao cho chị Đặng Thảo A được trực tiếp nuôi cháu Phạm Hải Đ, sinh ngày 13/5/2013. Về cấp dưỡng nuôi con chung, anh Phạm Linh S và chị Đặng Thảo A thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, anh Phạm Linh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

1.3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Nguyên đơn anh Phạm Linh S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình không có giá ngạch số tiền là **300.000 đồng** (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) anh Phạm Linh S đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000594 ngày 10/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang (trước sáp nhập). Xác nhận anh Phạm Linh S đã thi hành xong nghĩa vụ về án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND KV4 - Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang;
- UBND xã B, tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Khánh Phương